

Số: 166 /BV-KD  
Về việc mời quan tâm báo giá  
vật tư, hoá chất, sinh phẩm y tế bổ  
sung năm 2024

Quản Bạ, ngày 19 tháng 4 năm 2024

**Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam**

Căn cứ luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;  
Căn cứ nghị định số 24/2024/NĐ – CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của  
chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;  
Căn cứ công văn số 818 /SYT-NVD ngày 17/4/2024 của Sở Y tế về việc  
cho chủ trương mua sắm vật tư y tế, hoá chất xét nghiệm và sinh phẩm y tế bổ  
sung năm 2024.

Căn cứ biên bản số 04/BB-HĐKH ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Hội  
đồng khoa học Bệnh viện đa khoa huyện Quản Bạ;

Bệnh viện đa khoa huyện Quản Bạ có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham  
khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu  
*mua sắm Vật tư, hoá chất và sinh phẩm y tế bổ sung năm 2024* với nội dung cụ  
thể như sau:

**I. Thông tin của đơn vị**

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa huyện Quản Bạ.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Ds  
Nguyễn Tuấn Tú; Khoa Dược-TTBYT. Số điện thoại: 0973.578.002
- Cách thức tiếp nhận báo giá:  
*Tiếp nhận báo giá theo cách thức sau:*  
- *Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa Dược Bệnh viện đa khoa huyện Quản  
Bạ, tổ 4 thị trấn Tam Sơn, Huyện Quản Bạ tỉnh Hà Giang.*  
- *Nhận qua email:khoaduocbvquanba@gmail.com*
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 19 tháng 4 năm 2024 đến  
trước 8h ngày 02 tháng 5 năm 2024 .

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 02  
tháng 5 năm 2024.

**II. Nội dung yêu cầu báo giá:**

- Danh mục Vật tư, hoá chất và sinh phẩm y tế bổ sung năm 2024 theo  
phụ lục đính kèm.
- Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp  
đặt, bảo quản thiết bị y tế tại Bệnh viện đa khoa huyện Quản Bạ.
- Thời gian giao hàng dự kiến: Thời gian dự kiến giao hàng, phù hợp với  
kế hoạch lựa chọn nhà thầu và thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Theo hợp đồng.

5. Các thông tin khác nếu có

(Đính kèm theo bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của các thiết bị y tế; các yêu cầu về địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế, thời gian giao hàng dự kiến và các thông tin liên quan khác).

Bệnh viện đa khoa huyện Quản Bạ xin trân trọng thông báo./.

***Nơi nhận:***

- Sở Y tế Hà Giang;
- Đăng website Sở y tế;
- Đăng website bệnh viện;
- Lưu: Hồ sơ mời thầu KT,KD, VT.

**GIÁM ĐỐC**

**Vũ Văn Giang**

**Danh mục gói thầu Vật tư, hoá chất, sinh phẩm y tế bổ sung năm 2024**  
(Kèm theo yêu cầu báo giá số 166 /BV-KD ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Bệnh viện đa khoa  
Quần Bạ)

TT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
	<b>VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO</b>				
1	Bông y tế thấm nước	Bông y tế, 100% bông thiên nhiên, có màu trắng, không lẫn màu, không lẫn chất. Tốc độ hút nước trong 10s. Độ ẩm tối đa 8,0%. ISO 13485	400	Kg	
2	Băng bột bó các cỡ	Băng được cuộn, chiều dài 4.6m; chiều rộng 20cm. Băng được làm bằng 97% thạch cao nguyên chất, chất liệu cotton để thấm hút nước mềm màu trắng. Làm từ bột liên gác, vỏ cuộn bột là túi nilon chống ẩm, lõi nhựa 4 cạnh có 2 cạnh phình to giúp thấm nước đều và giữ băng bột. Thời gian nhúng nước 3-6 giây. Thời gian đông kết từ 2-4 phút	300	Cuộn	
3	Băng dính các loại các cỡ	Vải lụa Taffeta trắng, 100% sợi cellulose acetate. - Số sợi 44x19,5 sợi/cm, lực dính 1,8-5,5 N/cm. - Keo oxide kẽm không dùng dung môi phù đều, - Lõi nhựa liền cánh bảo vệ. - Nguyên liệu các nước G7. - Được lưu hành tại các nước liên minh Châu Âu. - Tiêu chuẩn CE. ISO 13485. Kích thước 2,5cmx5	1.000	Cuộn	
4	Băng dính các loại các cỡ	Vải lụa Taffeta trắng, 100% sợi cellulose acetate. - Số sợi 44x19,5 sợi/cm, lực dính 1,8-5,5 N/cm. - Keo oxide kẽm không dùng dung môi phù đều, - Lõi nhựa liền cánh bảo vệ. - Nguyên liệu các nước G7. - Được lưu hành tại các nước liên minh Châu Âu. - Tiêu chuẩn CE. ISO 13485. Kích thước 1,25cmx5m	1.000	Cuộn	
5	Gạc hút y tế	Gạc hút y tế khổ 0,8m. Gạc được dệt từ Sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không có hóa chất tẩy trắng, không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Độ pH: trung tính. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Độ trắng $\geq 80\% \pm 10\%$ . ISO 13485	20.000	Mét	

6	Ống đặt nội khí quản có bóng số từ 2/0 đến 9/0	Chất liệu nhựa PVC. Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt ISO 13485	300	Cái	
7	Sonde dẫn lưu ổ bụng các số	Được làm từ nhựa PVC y tế, vô khuẩn. Ống dây mềm, dẻo, màu trắng tự nhiên. Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt ISO 13485	200	Cái	
8	Dây hút dịch phẫu thuật	Chất liệu nhựa PVC. Tiệt trùng bằng khí EO. Chiều dài 2m. Đạt ISO 13485	300	Cái	
9	Ống hút dịch	Chất liệu nhựa PVC . Chiều dài 27cm Đạt ISO 13485	300	Cái	
10	Kim khâu ba cạnh các cỡ	Chất liệu thép . Hình dạng cong. Đạt ISO 13485	500	Cái	
11	Chi lạnh	Chiều dài 360m. Cuộn 50gam Đạt ISO 13485	5	cuộn	
12	Phim X-Quang số hóa 25cm x 30cm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phim được cấu tạo 4 lớp bao gồm: 2 lớp bảo vệ; 1 lớp nhũ tương nhạy sáng và 1 lớp nền polyester</li> <li>- Hỗ trợ lớp nền 7-mil polyester</li> <li>- Phim có thành phần cấu tạo hóa học bao gồm: 90-95% Polyethylene terephthalate; 1-5% Polyvinyl butyral-polyvinyl alcohol-polyvinyl acetate terpolymer; 1-5% Axit docosanoic, muối bạc(1+) và &lt; 3% Cellulose acetate butyrate</li> <li>- Phim có thể lưu lại trên đèn đọc phim &gt; 24 giờ, ở điều kiện nhiệt độ 16–27 °C hoặc 60–80 °F và điều kiện độ ẩm 30–50 % RH</li> <li>- Phim có mật độ điểm ảnh tối đa 650 ppi</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 . Tương thích với máy in phim của bệnh viện</li> </ul>	70	Hộp	
13	Chỉ thị hóa học kiểm soát quá trình tiệt khuẩn bằng hơi nước	Chỉ thị hóa học Type 4 cho hấp ướt. Kích thước: 1,5 cm x 20 cm. Thành phần: giấy > 99%, Lead Carbonate Hydroxide: 0.5 - 0.9. Dùng cho các chu trình tiệt khuẩn hơi nước 121° C-134° C.	5	Hộp	

14	Chỉ thị hóa học kiểm tra chất lượng tiết khuẩn y tế	Băng keo chỉ thị nhiệt kích thước 2,4cm x 55m. Dùng cho các chu trình tiết khuẩn hơi nước 121° C và 132-134° C. Thành phần: giấy 75-85%, chất bám dính 10-20%, Acrylic Polymer: 2-5%, mực chỉ thị 0,5-2%.	10	Cuộn	
<b>VẬT TƯ THAY THẾ</b>					
15	Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay	3 đến 7 lỗ trái, phải ,dài 109 - 169mm, dày 3mm, rộng 12.5mm, khoảng cách giữa các lỗ 12mm, sử dụng vít khóa đk 3.5mm. Chất liệu titanium nguyên chất. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	4	Cái	
16	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay	2 đến 12 lỗ dài 94 - 244mm, dày 3mm, rộng 12.5mm, Đầu nẹp có 9 lỗ bắt vít khóa, thân nẹp có xẻ rãnh ít tiếp xúc, khoảng cách giữa các lỗ 12mm, sử dụng vít khóa đk 3.5mm. Chất liệu titanium màu xám đen. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	2	Cái	
17	Nẹp khóa cẳng tay	4 đến 12 lỗ dài 49 - 145mm, dày 1.5mm, rộng 11mm, khoảng cách giữa các lỗ 12mm, sử dụng vít khóa đk 3.5mm .Chất liệu titanium nguyên chất. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	10	Cái	6-8 lỗ
18	Nẹp khóa xương đùi	6 đến 16 lỗ dài 117 - 297mm, dày 5mm, rộng 18mm,có xẻ rãnh ít tiếp xúc, kết hợp lỗ khóa và lỗ thường giúp linh hoạt trong việc lựa chọn vít, khoảng cách giữa các lỗ 18mm, sử dụng vít khóa đk 5.0mm. Chất liệu titanium nguyên chất. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	10	Cái	8-12 lỗ
19	Nẹp khoá bản nhỏ xương cánh tay	4 đến 11 lỗ dài 60 - 151mm, dày 3mm, rộng 12mm, có xẻ rãnh ít tiếp xúc, kết hợp lỗ khóa và lỗ thường giúp linh hoạt trong việc lựa chọn vít, khoảng cách giữa các lỗ 12mm, sử dụng vít khóa đk 3.5mm Chất liệu titanium nguyên chất. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	5	Cái	6- 8 lỗ
20	Nẹp khoá đầu dưới xương quay( chữ T nhỏ)	3 đến 7 lỗ dài 56 - 100mm, dày 2mm, rộng 10mm, khoảng cách giữa các lỗ 10mm, sử dụng vít khóa đk 3.5mm . Chất liệu titanium nguyên chất. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	8	Cái	
21	Nẹp khóa cẳng chân	5 đến 15 lỗ dài 95 - 275mm, dày 4.5mm, rộng 14mm, có xẻ rãnh ít tiếp xúc, kết hợp lỗ khóa và lỗ thường giúp linh hoạt trong việc lựa chọn vít, khoảng cách giữa các lỗ 18mm, sử dụng vít khóa đk 5.0mm Chất liệu titanium nguyên chất. Chất liệu titanium màu xám đen. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	6	Cái	6-8 lỗ
22	Nẹp khóa đầu trên xương cẳng chân	4 đến 14 lỗ trái, phải ,dài 119 - 283mm, dày 4mm, rộng 14.2mm, Đầu nẹp có 4lỗ bắt vít khóa, khoảng cách giữa các lỗ 16mm, thân nẹp có xẻ rãnh ít tiếp xúc, kết hợp lỗ khóa và lỗ thường giúp linh hoạt trong việc lựa chọn vít, khoảng cách giữa các lỗ 16mm, sử dụng vít khóa đk 5.0mm. Chất liệu titanium màu xám đen. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	3	Cái	6-8 lỗ
23	Nẹp bàn tay thẳng 3 - 6lỗ	2 đến 8 lỗ tròn dài 15 - 63mm, dày 1mm, rộng 7mm, sử dụng vít cứng 2.0mm. Chất liệu thép y tế không gỉ. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	10	Cái	4 lỗ

24	Vít khóa đường kính 3.5mm	Đường kính thân vít 3.5mm ren 1.5mm dài 10-70mm. bước tăng 2mm, dk mũ vít 6mm , mũ vít hoa thị giúp chống trượt. Chất liệu titanium. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	200	Cái	
25	Vít xương cứng dk 3.5mm	Đường kính thân vít 3,5mm ren 1,5mm dài 12-50mm. Bước tăng 2mm, dk mũ vít 6mm. Chất liệu thép y tế không gỉ. Tiêu chuẩn ISO13485-EC	70	Cái	
26	Vít khóa đường kính 5.0mm	Đường kính thân vít 5.0mm ren 1,5mm dài 20-50mm. bước tăng 2mm, 50 -120mm bước tăng 5mm, dk mũ vít 8mm , mũ vít lục năng. Chất liệu titanium. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	170	Cái	
27	Vít cứng 2.0mm	Đường kính thân vít 2,0mm ren 1,5mm dài 5-20mm. bước tăng 2mm, dk mũ vít 2.5mm. Mũ vít 4 cạnh Chất liệu thép y tế ko gỉ. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	40	Cái	
<b>Hoá chất cho máy huyết học</b>					
28	Dung dịch pha loãng	Hoá chất pha loãng dùng cho máy huyết học Thành phần: Organic buffer < 0,1 % Sodium salts < 1,0 % Natrium azide < 0,05 % Quy cách: 10 lít	50	Thùng	
29	Dung dịch rửa cho máy	Hoá chất rửa thường quy dùng cho máy huyết học Thành phần: Organic buffer < 0,5 % Sodium salts < 2,0 % Proteolytic enzyme < 0,5% Preservative < 0,05 % Quy cách: 1 lít	50	Can	
30	Dung dịch ly giải	Hoá chất ly giải hồng cầu, giải phóng HGB. Thành phần: Ammonium salts < 3,0 % Potassium cyanide < 0,05 % Quy cách: 1 lít	50	Chai	
31	Dung dịch rửa đậm đặc	Dung dịch rửa đậm đặc, dùng trong các trường hợp đặc biệt. Sodium hypochlorite < 4.0% vừa đủ 500ml Đạt tiêu chuẩn Iso 13485 Quy cách: 0.5 lít	10	Chai	
<b>Hoá chất cho máy huyết học</b>					
32	Dung dịch pha loãng mẫu	Được dùng để đếm và xác định kích cỡ tế bào trong máy phân tích huyết học 3 thành phần' Thành phần: + Sodium chloride: 3.0-5.5 g/L + Sodium sulphate anhydrous: 7.5-11.5 g/L + Buffering agents: 1.0-3.0 g/L + Anti fungal & Anti bacterial agent: 0.8-2.5 g/L. Hộp 1x 20 Lit	10	Hộp	
33	Dung dịch ly giải mẫu	- Có chức năng phân giải tế bào phục vụ đếm số lượng và chênh lệch tế bào bạch cầu và đo lường trong máy phân tích huyết học 3 thành phần Thành phần: + Quaternary ammonium salts: < 50 g/L + Non-ionic surfactant : < 15 g/L + 2- Propanol :0.1-1.5 mL/L. Hộp 2x 500 ml	10	Hộp	

34	Dung dịch rửa máy định kỳ ống hút mẫu	- Có chức năng làm sạch định kỳ đầu lấy mẫu trong máy phân tích huyết học 3 thành phần Thành phần: + Surfactant > 2.0g/L + Sodium hypochlorite > 100 g/L + Sodium chloride > 100 g/L. Hộp 4x 50 ml	10	Hộp	
35	Dung dịch rửa ống	Có chức năng làm sạch đường ống của máy phân tích huyết học 3 thành phần Thành phần: +Sodium chloride 3.0 - 5.5 g/L +Sodium sulphate anhydrous 7.5 - 11.5 g/L +Buffering agents 1.0 - 3.0 g/L +Non ionic surfactant 5.0 - 8.0 g/L +Anti fungal& Anti bacterial agent 0.8 - 2.5 g/L. Hộp 1x 1000 ml	5	Hộp	
	<b>Hoá chất cho máy đông máu, điện giải, miễn dịch</b>				
36	Dung dịch rửa, dùng làm sạch định kì máy xét nghiệm sinh hóa tự động	*Dung dịch rửa, làm sạch kim hút bệnh phẩm/ hóa chất, mixer và cuvettes của máy xét nghiệm sinh hóa tự động * Quy cách: 2 lít/can *Thành phần: KOH, chất hoạt động bề mặt không ion, chất hoạt động bề mặt polyanionic, chất đệm và chất ổn định. Quy cách đóng gói Can 2 L	10	Can	
37	Bóng đèn 20W dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa	Bóng đèn 20W dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa	10	Cái	
38	Hóa chất xét nghiệm Prothrombin Time (PT)	Hóa chất dùng để xác định Prothrombin Time (PT) bằng phương pháp thủ công hoặc tự động. Thành phần gồm có: - Hoá chất Thromboplastin (dạng đông khô) chứa Chiết xuất não thỏ > 10%, Sodium azide < 0,01% - Đệm CaCl <sub>2</sub> chứa Sodium azide < 0,01% Quy cách đóng gói Hộp 6x2ml	15	Hộp	
39	Bộ hóa chất xét nghiệm aPTT	Bộ hóa chất xét nghiệm aPTT sử dụng chất hoạt hóa axit Ellagic, dùng để xác định thời gian Thromboplastin một phần hoạt hóa (aPTT) bằng phương pháp thủ công và tự động. Thành phần gồm có: - Hoá chất 1 (6x4ml): Hóa chất aPTT-EL: Cephalin não thỏ < 1.0%, ellagic acid sodium azide < 0,01%; - Hóa chất 2 (6x4ml): Dung dịch CaCl <sub>2</sub> 0,02 mol/l Sodium azide < 0,01%, muối và chất ổn định. Quy cách đóng gói Hộp 6x4ml	15	Hộp	

40	Hóa chất xét nghiệm Fibrinogen	<p>Hóa chất xét nghiệm Fibrinogen dùng xác định Fibrinogen trong huyết tương bằng phương pháp thủ công và tự động.</p> <p>Thành phần gồm có:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất Fibrinogen dạng đông khô 5x2 ml, thành phần: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thrombin người 80 - 100 IU/ml</li> <li>+ Sodium azide &lt; 0,01%.</li> </ul> </li> <li>- Dung dịch đệm Imidazole Buffered Saline 1x100 mL, pH 7.4 ± 0.2, thành phần: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Imidazole 0,05 mol/l</li> <li>+ Đệm và chất ổn định.</li> </ul> </li> <li>- Chất chuẩn: Fibrinogen huyết tương tham chiếu (dạng đông khô) 2x1mL, thành phần: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Huyết thanh người</li> <li>+ Sodium azide &lt; 0,01%.</li> </ul> </li> </ul> <p>Quy cách đóng gói Hộp 5x2ml</p>	15	Hộp	
41	Dung dịch rửa máy dùng để làm sạch thường xuyên trạm rửa, ống thổi, kim hút và bom chất thải của máy phân tích đông máu	<p>Dung dịch rửa máy dùng để làm sạch thường xuyên trạm rửa, ống thổi, kim hút và bom chất thải của máy phân tích đông máu, làm giảm nguy cơ lây nhiễm vật liệu sinh học.</p> <p>Quy cách: 5 x 15 ml.</p> <p>Thành phần: Aqueous Solution</p> <p>Quy cách đóng gói Hộp 5 x 15 ml</p>	10	Hộp	
42	Dung dịch rửa kim	<p>Dung dịch dùng để làm sạch kim hút nhằm ngăn ngừa nhiễm chéo.</p> <p>Quy cách: 5 x 15 ml.</p> <p>Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Buffered Salt Solution</li> <li>- Imidazole 0.1mol/l</li> <li>- HCl 0.1 mol/l</li> <li>- Detergent 0.02%</li> </ul>	10	Hộp	
43	Dung dịch Standard A 800ml, Standard B 180ml, Wash solution 80ml, bình thải	<p>Dùng để xác định định lượng Natri (Na<sup>+</sup>), Kali (K<sup>+</sup>) và Clorua (Cl<sup>-</sup>) trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần và nước tiểu người</p> <p>*Thành phần:</p> <p>Standard A Solution, 800mL: 140.0 mmol/L Na<sup>+</sup>; 4.0 mmol/L K<sup>+</sup>; 125.0 mmol/L Cl<sup>-</sup>; Buffer; Chất bảo quản; Wetting Agent</p> <p>Standard B Solution, 180mL: 35.0 mmol/L Na<sup>+</sup>; 16.0 mmol/L K<sup>+</sup>; 41.0 mmol/L Cl<sup>-</sup>; Buffer; Chất bảo quản; Wetting Agent</p> <p>Wash Solution, 80mL</p> <p>0.1 mol/L Ammonium bifluoride</p> <p>Waste Container</p> <p>Quy cách đóng gói: 800ml/ hộp</p>	10	Hộp	
44	Dung dịch làm sạch hàng ngày để loại bỏ các cặn protein trên các máy xét nghiệm điện giải, khí máu	<p>Dung dịch làm sạch hàng ngày để loại bỏ các cặn protein trên các máy xét nghiệm điện giải, khí máu (Không có Ammonium Bifluoride)</p> <p>Thành phần 1 hộp gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Pha loãng rửa hàng ngày: 1 lọ 90 ml, HCl (0,1N) và muối</li> <li>- Chất rửa hàng ngày dạng bột: 6 lọ, pepsin 0.5g</li> </ul> <p>Quy cách đóng gói Hộp 1 lọ Rinse 90 mL + 6 lọ Pepsin</p>	5	Hộp	
45	Dung dịch làm đầy điện cực, chứa KCl	<p>Dung dịch ngâm điện cực, lọ 125 mL chứa KCl</p> <p>Quy cách đóng gói: 125 ml/ lọ</p>	2	Lọ	



46	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HbA1c	<p>*Hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang để xác định định lượng HbA1c (Hemoglobin A1c) trong máu toàn phần của người.</p> <p>*Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phần cartridge chứa một que xét nghiệm, màng có kháng HbA1c người ở vạch xét nghiệm, trong khi IgG của thỏ được cố định ở vạch kiểm soát.</li> <li>- Phần đệm phát hiện chứa liên hợp huỳnh quang kháng HbA1c người, liên hợp huỳnh quang IgG kháng thỏ, albumin huyết thanh bò (BSA) như một chất ổn định và sodium azide làm chất bảo quản trong nước muối đệm phosphat (PBS).</li> <li>- Phần đệm tán huyết chứa tween 20 và sodium azide làm chất bảo quản trong nước muối đệm phosphat (PBS).</li> </ul> <p>*Dãi làm việc:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- NGSP (%): 4-15 %</li> <li>- IFCC (mmol/mol): 20.2-140.4 mmol/mol</li> <li>- eAG (mg/dL): 68.1-383.8 mg/dL</li> </ul> <p>Quy cách đóng gói: 24 test/ hộp</p>	30	Hộp	
47	Thuốc thử xét nghiệm định lượng TSH	<p>*Hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang để xác định định lượng Hormone kích thích tuyến giáp (TSH) trong máu toàn phần/huyết thanh/huyết tương người.</p> <p>*Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phần cartridge chứa một dải xét nghiệm, màng có kháng TSH người ở vạch xét nghiệm, trong khi IgY của gà ở vạch kiểm soát.</li> <li>- Phần phát hiện (detector) có chứa chất liên hợp huỳnh quang kháng TSH người, chất liên hợp huỳnh quang kháng IgY gà, albumin huyết thanh bò (BSA) làm chất ổn định và sodium azide trong nước muối đệm phosphat (PBS) làm chất bảo quản.</li> <li>- C - tip (Đầu tip mao dẫn) là một công cụ hữu ích ở khu xét nghiệm nhanh tại chỗ đòi hỏi một lượng nhỏ máu mao mạch từ đầu ngón tay, vị trí gót chân (ở trẻ sơ sinh) hoặc vành tai.</li> </ul> <p>*Dãi làm việc: Mẫu huyết thanh/ huyết tương: 0.09-80.0 µIU/mL Mẫu máu toàn phần: 0.4-80.0 µIU/mL</p> <p>Quy cách đóng gói: 24 test/ hộp</p>	5	Hộp	
48	Thuốc thử xét nghiệm định lượng T4	<p>*Hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang để xác định định lượng Thyroxine tổng số (T4 toàn phần) trong huyết thanh/huyết tương người</p> <p>*Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phần cartridge chứa màng được gọi là dải xét nghiệm có liên hợp T4-BSA ở vạch xét nghiệm và streptavidin ở vạch kiểm soát.</li> <li>- Phần phát hiện có một hạt chứa chất liên hợp huỳnh quang kháng T4 người, chất liên hợp huỳnh quang biotin-BSA, albumin huyết thanh bò (BSA) làm chất ổn định và sodium azide làm chất bảo quản trong nước muối đệm phosphat (PBS).</li> <li>- Phần dung dịch pha loãng chứa ANS, tween 20, albumin huyết thanh bò (BSA) làm chất ổn định và sodium azide làm chất bảo quản trong nước muối đệm phosphat (PBS).</li> </ul> <p>*Dãi làm việc: 10.23 - 300.0 nmol/L</p> <p>Quy cách đóng gói: 24 test/ hộp</p>	5	Hộp	

49	Thuốc thử xét nghiệm định lượng T3	<p>*Hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang để xác định định lượng Triiodothyronine tổng (T3 toàn phần) trong huyết thanh/huyết tương người.</p> <p>*Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phần cartridge chứa màng được gọi là dải xét nghiệm có chất liên hợp T3-BSA ở vạch xét nghiệm và IgY gà ở vạch kiểm soát.</li> <li>- Phần phát hiện có một hạt chứa liên hợp huỳnh quang kháng T3 người, liên hợp huỳnh quang kháng IgY gà, albumin huyết thanh bò (BSA) làm chất ổn định và sodium azide làm chất bảo quản trong dung dịch đệm natri phosphat.</li> <li>- Phần dung dịch pha loãng chứa ANS, tween 20, albumin huyết thanh bò (BSA) làm chất ổn định và sodium azide làm chất bảo quản trong dung dịch natri hydroxit (NaOH).</li> </ul> <p>*Dải làm việc: 0.77-7.7 nmol/L Quy cách đóng gói: 24 test/ hộp</p>	5	Hộp	
50	Thuốc thử xét nghiệm định lượng B-HCG toàn phần	<p>*Hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang để xác định định lượng gonadotrophin màng đệm ở người (Total <math>\beta</math>hCG) trong máu toàn phần/huyết thanh/huyết tương người.</p> <p>*Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phần cartridge chứa màng được gọi là dải xét nghiệm có gonadotropin kháng màng đệm ở người và chất liên hợp peptit IgG-hCG của chuột ở vạch xét nghiệm, và streptavidin ở vạch kiểm soát.</li> <li>- Phần phát hiện có chứa chất liên hợp huỳnh quang gonadotropin kháng màng đệm người, chất liên hợp huỳnh quang biotin-BSA, albumin huyết thanh bò (BSA) như một chất ổn định và sodium azide làm chất bảo quản trong nước muối đệm photphat (PBS).</li> <li>- Phần dung dịch pha loãng chứa albumin huyết thanh bò (BSA) làm chất ổn định, tween 20 làm chất tẩy rửa và sodium azide làm chất bảo quản trong nước muối đệm photphat.</li> </ul> <p>*Dải đo: 5-50,000 mIU/mL Quy cách đóng gói: 24 test/ hộp</p>	5	Hộp	

51	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CRP	<p>*Hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang để xác định định lượng Protein phản ứng C-Reactive Protein (CRP) trong máu toàn phần/huyết thanh/huyết tương của người.</p> <p>*Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phần cartridge chứa màng được gọi là dải xét nghiệm có CRP đơn dòng kháng người của chuột ở vạch xét nghiệm, protein phản ứng C của người ở vạch kháng nguyên và streptavidin ở vạch kiểm soát.</li> <li>- Phần phát hiện detector có một hạt chứa chất liên hợp huỳnh quang CRP kháng người đơn dòng từ chuột, CRP kháng người đơn dòng từ chuột, chất liên hợp huỳnh quang Biotin-BSA, albumin huyết thanh bò (BSA) và sucrose làm chất ổn định và sodium azide làm chất bảo quản trong đệm muối photphat (PBS)</li> <li>- Phần dung dịch pha loãng phát hiện có chứa chất chống tạo bọt và tween 20 là chất rửa, sodium azide làm chất bảo quản trong muối đệm photphat (PBS).</li> </ul> <p>*Dải làm việc: 0.5-200 mg/L.</p>	50	Hộp	
52	Thuốc thử xét nghiệm định lượng AFP	<p>*Hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang để xác định định lượng Alpha Feto Protein (AFP) trong máu toàn phần/huyết thanh/huyết tương của người.</p> <p>*Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phần cartridge có chứa màng được gọi là dải xét nghiệm có kháng AFP người ở vạch xét nghiệm và IgG của thỏ ở vạch kiểm soát.</li> <li>- Phần detector có hạt chứa liên hợp huỳnh quang kháng AFP người, liên hợp huỳnh quang kháng IgG thỏ, albumin huyết thanh bò (BSA) làm chất ổn định và sodium azide làm chất bảo quản trong nước muối đệm phosphat (PBS).</li> </ul> <p>*Phạm vi làm việc: 5-350 ng/mL. Quy cách đóng gói: 24 test/ hộp</p>	5	Hộp	
53	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CEA	<p>*Hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang để xác định định lượng CEA trong máu toàn phần/huyết thanh/huyết tương của người</p> <p>*Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phần cartridge chứa màng được gọi là dải xét nghiệm có anti CEA ở vạch xét nghiệm và IgG thỏ ở vạch kiểm soát.</li> <li>- Phần phát hiện detector có một hạt chứa liên hợp huỳnh quang kháng CEA, liên hợp huỳnh quang IgG chống thỏ, albumin huyết thanh bò (BSA) làm chất ổn định và sodium azide làm chất bảo quản trong nước muối đệm phosphat (PBS).</li> <li>- Phần chất pha loãng chứa tween20 làm chất rửa, sodium chloride làm chất ổn định và sodium azide làm chất bảo quản trong Tris-HCl.</li> </ul> <p>*Dải làm việc: 1-500 ng/mL. Quy cách đóng gói: 24 test/ hộp</p>	5	Hộp	

54	Thuốc thử xét nghiệm định lượng PSA	<p>*Hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang để xác định định lượng Kháng nguyên đặc hiệu của tuyến tiền liệt (Prostate Specific Antigen-PSA) trong máu toàn phần/huyết thanh/huyết tương người.</p> <p>*Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phần cartridge chứa một dải xét nghiệm, màng có chứa kháng PSA người ở vạch thử, trong khi streptavidin ở vạch đối chứng.</li> <li>- Phần phát hiện có chứa chất liên hợp huỳnh quang kháng PSA người, chất liên hợp huỳnh quang-biotin-BSA, albumin huyết thanh bò (BSA) làm chất ổn định và sodium azide trong nước muối đệm photphat (PBS) làm chất bảo quản.</li> </ul> <p>*Dải làm việc: 0.5-100 ng/mL. Quy cách đóng gói: 24 test/ hộp</p>	5	Hộp	
<b>VẬT TƯ Y TẾ, HÓA CHẤT KHÁC, SINH PHẨM</b>					
55	Giấy in siêu âm	Dung lượng: Khoảng 215 bản in cho mỗi cuộn giấy in. Kích thước 110mm × 20 m. Đặt ISO 13485	60	Cuộn	
56	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ y tế bao gồm cả dụng cụ nội soi không chịu nhiệt, có chứa OPA.	<p>Ortho-Phthalaldehyde 0,55% (w/w), hệ đệm pH =7-9.</p> <p>Hiệu quả sau thời gian ngâm tối thiểu 5 phút.</p> <p>Hiệu quả vi sinh (phase 2, step 2)</p> <p>Vi khuẩn : EN 14561</p> <p>Nấm, mốc : EN 14562</p> <p>Mycobacterium (Trực khuẩn lao): EN 14563.</p> <p>Quy cách can 5 lít</p>	20	Can	
57	Gel siêu âm	<p>Gel sử dụng trong siêu âm, phù hợp với tần số siêu âm đang sử dụng, Không có formaldehyde, không phát hiện vi khuẩn Staphylococcus, Pseudomonas aeruginosa, Tổng số vi sinh vật khi hiệu &lt;10 CFU/g, tổng số nấm &lt;10 CFU/g.</p> <p>Không gây mẫn cảm hoặc rát da, gel trong, tan hoàn toàn trong nước, độ PH trong khoảng 6.5-7.5. Quy cách can 5 lít</p>	20	Can	
58	Test thử nhanh phát hiện kháng nguyên virus viêm gan B	<p>Định tính kháng nguyên bề mặt Viêm gan B (HBsAg) trong huyết thanh hay huyết tương của người</p> <p>Độ nhạy tương đối: &gt;99.9%; Độ đặc hiệu tương đối: 99.0%; Độ chính xác: 99.4%</p> <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</p>	1.000	Test	
59	Định tính phát hiện kháng thể kháng virus HIV	<p>Độ nhạy tương đối: &gt;99.9%</p> <p>Độ đặc hiệu tương đối: 99.5%</p> <p>Độ chính xác: 99.6%</p> <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</p>	1.000	Test	
60	Test nhanh xét nghiệm Morphin 1 chân	<p>Thời gian đọc kết quả: sau 3-5 phút.</p> <p>Độ nhạy: 99.9%, độ đặc hiệu: 99.9%</p> <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE</p>	300	Test	

61	Test thử nhanh phát hiện MOP/MDMA/MET/THC trong nước tiểu 4 chân	MET: Methamphetamine 1000ng/ml. MDMA: Methylenedioxy-methamphetamine 1000ng/ml THC: Marijuana 50ng/ml MOP: Morphine 300ng/ml Thời gian đọc kết quả: sau 3-5 phút. Độ nhạy: 99.9% Độ đặc hiệu: 99.9%	400	Test	
62	Bộ nhuộm Lao	Bộ hóa chất sử dụng để nhuộm Ziehl Neelsen. Gồm 3 chai :Methylene Blue , Carbol Fuchsin ,Hydrochloric acid in ethanol. Bộ 3 chai x 250ml.	10	bộ	
63	Dung dịch Enzym làm sạch dụng cụ y tế bao gồm cả dụng cụ nội soi, sử dụng được cho cả máy rửa khử khuẩn	Enzyme Protease 0,5 % (w/w). Chất hoạt động bề mặt non-ionic: Fatty alcohol alkoxylate, C9-11 Ethoxylate... Chất chống ăn mòn: Benzotriazole. Chất chỉnh pH: Acid citric, Triethanolamine. Chất tạo màu, hương liệu... Thể tích chai 1000 ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485	20	Chai	
<b>Tổng số :63 mặt hàng</b>					

## Mẫu báo giá

### BÁO GIÁ<sup>(1)</sup>

#### Kính gửi: BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN QUẢN BẠ

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi .... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

#### 1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế <sup>(2)</sup>	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất <sup>(3)</sup>	Mã HS <sup>(4)</sup>	Năm sản xuất <sup>(5)</sup>	Xuất xứ <sup>(6)</sup>	Số lượng/khối lượng <sup>(7)</sup>	Đơn giá <sup>(8)</sup> (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan <sup>(9)</sup> (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) <sup>(10)</sup> (VND)	Thành tiền <sup>(11)</sup> (VND)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngày ....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

#### 3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp<sup>(12)</sup>**

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))